

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

*Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.*

---

*Báo cáo của Ban Tổng giám đốc và  
Báo cáo tài chính riêng năm 2014*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
CÔNG TRÌNH 3**

**Năm 2014**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>03 – 05</b>
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	<b>06 – 07</b>
<b>Báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	08 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2014	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng năm 2014	12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm 2014	13 – 34

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

---

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3** được thành lập theo Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 2411/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2004 về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3, trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Bộ Giao thông Vận tải; theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300421520 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 11 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 18 tháng 9 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

**Vốn điều lệ của Công ty** là 61.169.920.000 đồng (Sáu mươi một tỷ một trăm sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

**Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:** Xây dựng, lắp đặt.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:**

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan .
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
- Sản xuất các cấu kiện kim loại.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu , chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Sửa chữa thiết bị khác.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.
- Vận tải hành khách đường bộ khác.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động.
- Xây dựng công trình công ích.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

**Trụ sở của Công ty tại:** 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

### **a. Thông tin các chi nhánh: 8 chi nhánh**

#### **1. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 303**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

#### **2. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 304**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

#### **3. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 302**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

#### **4. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp CK Và Xây Dựng**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

---

### **5. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp TV Thiết Kế Và Kiểm Định Công Trình**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

### **6. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 301**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

### **7. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 tại tỉnh Quảng Ngãi**

Địa chỉ: Số 315 khối 1, Thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi

### **8. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 305**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

#### **b. Thông tin các Công ty con: 4 công ty**

##### **1. Công ty Cổ Phần Công Trình Thành Phát**

Địa chỉ: Số nhà 2A, đường QL 13, KP2, Phường Hiệp Bình Chánh, Q Thủ Đức Tp HCM

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55 %

##### **2. Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Trường Lộc**

Địa chỉ: Số 25, đường 270A, Khu nhà ở Nam Hòa, Phường Phước Long A, Quận 9, Tp. HCM.

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 53,10 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 53,10 %

##### **3. Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng**

Địa chỉ: Lô C7-1, Khu công nghiệp Hàm Kiệm 1, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100 %

##### **4. Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Nam Tiến**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55,56 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55,56 %

#### **Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng**

#### **Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát**

#### **Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:**

<b>Ông Phạm Văn Thúy</b>	Chủ tịch
<b>Ông Phạm Ngọc Côi</b>	Thành viên
<b>Ông Nguyễn Đức Soát</b>	Thành viên
<b>Ông Lê Văn Nhung</b>	Thành viên
<b>Ông Nguyễn Quang Vinh</b>	Thành viên
<b>Bà Nguyễn Kim Chinh</b>	Thành viên
<b>Ông Đào Quốc Cường</b>	Thành viên

#### **Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:**

<b>Ông Phạm Văn Thúy</b>	Tổng giám đốc
<b>Ông Phạm Ngọc Côi</b>	Phó tổng giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

---

Ông Nguyễn Đức Soát	Phó tổng giám đốc
Ông Đặng Quang Thịnh	Phó tổng giám đốc
Ông Phạm Trường Sơn	Phó tổng giám đốc
Ông Trần Quốc Đoàn	Phó tổng giám đốc
Ông Lê Văn Nhung	Phó tổng giám đốc
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó tổng giám đốc
Bà Nguyễn Kim Chinh	Kế toán trưởng

## Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Anh Thuận	Trưởng ban
Ông Trần Minh Hùng	Thành viên
Ông Đặng Xuân Trường	Thành viên

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

## Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP.HCM, ngày 06 tháng 03 năm 2015

**TM. Ban Tổng Giám Đốc**  
**Tổng giám đốc**

**Phạm Văn Thúy**

Số: ...../BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*(Về Báo cáo tài chính riêng năm 2014 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3)*

**Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3**  
**- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3.**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2014 kèm theo của **Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3**, được lập ngày 14/03/2015, từ trang 08 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3** tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

*TP.Hồ Chí Minh, ngày..... tháng 03 năm 2015*  
**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính**  
**Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**  
**Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Đỗ Khắc Thanh**  
Số Giấy CN ĐKHN KT: 0064-2013-142-1

**Chu Thế Bình**  
Số Giấy CN ĐKHN KT: 1858-2013-142-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>289.628.881.755</b>	<b>287.969.283.868</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>23.999.298.539</b>	<b>28.792.918.475</b>
1. Tiền	111		23.999.298.539	28.792.918.475
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>2</b>	<b>1.300.000.000</b>	<b>1.300.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.300.000.000	1.300.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>3</b>	<b>186.682.854.993</b>	<b>151.168.987.045</b>
1. Phải thu khách hàng	131	3.1	131.103.889.368	95.645.498.448
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	8.719.850.110	7.888.479.845
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	47.960.146.874	47.635.008.752
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	3.4	(1.101.031.359)	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4</b>	<b>54.471.166.719</b>	<b>82.430.396.194</b>
1. Hàng tồn kho	141		54.471.166.719	82.430.396.194
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>5</b>	<b>23.175.561.504</b>	<b>24.276.982.154</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.1	6.955.458.955	8.285.076.467
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.2		15.516.430
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.3	16.220.102.549	15.976.389.257
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>52.578.549.015</b>	<b>59.606.122.378</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.064.017.806</b>	<b>28.759.163.522</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>6</b>	<b>20.064.017.806</b>	<b>28.195.527.159</b>
- Nguyên giá	222		56.653.521.714	60.185.978.959
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(36.589.503.908)	(31.990.451.800)
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>7</b>		<b>563.636.363</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>8</b>	<b>27.830.000.000</b>	<b>26.830.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		27.830.000.000	26.830.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>9</b>	<b>4.684.531.209</b>	<b>4.016.958.856</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.1	4.642.954.670	4.010.758.856
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268	9.2	41.576.539	6.200.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>342.207.430.770</b>	<b>347.575.406.246</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>237.151.595.160</b>	<b>248.163.348.581</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>10</b>	<b>236.390.654.299</b>	<b>243.649.658.283</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10.1	102.556.098.161	136.240.957.131
2. Phải trả người bán	312	10.2	22.915.332.124	26.124.190.814
3. Người mua trả tiền trước	313	10.3	27.962.095.724	18.637.181.215
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10.4	2.053.374.587	4.959.730.712
5. Phải trả người lao động	315	10.5	9.852.399.999	9.682.199.889
6. Chi phí phải trả	316	10.6	24.133.802.913	4.130.504.784
7. Phải trả nội bộ	317	10.7	9.118.846.357	9.180.361.857
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10.8	31.053.367.751	33.402.162.998
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	10.9	5.000.000.000	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	323	10.10	1.745.336.683	1.292.368.883
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>11</b>	<b>760.940.861</b>	<b>4.513.690.298</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	11.1	45.603.898	45.603.898
4. Vay và nợ dài hạn	334	11.2	715.336.963	4.468.086.400
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>105.055.835.610</b>	<b>99.412.057.665</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>105.055.835.610</b>	<b>99.412.057.665</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		61.169.920.000	55.609.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.694.645.000	1.694.645.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.622.907.459	1.622.907.459
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(930.000)	(930.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.558.517.914	20.519.517.914
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.560.998.000	5.560.998.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.449.777.237	14.404.939.292
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>342.207.430.770</b>	<b>347.575.406.246</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		211.070.803	211.070.803
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 14 tháng 03 năm 2015

**Tổng Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đoàn Văn Nghị**

**Nguyễn Kim Chinh**

**Phạm Văn Thúy**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	404.871.282.938	467.351.508.577
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	15	404.871.282.938	467.351.508.577
4. Giá vốn hàng bán	11	16	371.061.733.341	425.843.226.702
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		33.809.549.597	41.508.281.875
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	3.126.421.658	2.742.988.824
7. Chi phí tài chính	22	18	10.626.030.525	12.332.460.174
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.626.030.525	12.332.460.174
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.441.235.952	15.323.189.293
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		8.868.704.778	16.595.621.232
11. Thu nhập khác	31	19	6.642.824.520	4.116.414.419
12. Chi phí khác	32	20	2.563.754.758	2.266.871.498
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.079.069.762	1.849.542.921
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.947.774.540	18.445.164.153
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	2.566.121.675	4.849.068.378
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		10.381.652.865	13.596.095.775
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24.	1.829	2.445

Lập, ngày 14 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đoàn Văn Nghị

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thụ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>12.947.774.540</b>	<b>18.303.628.041</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	8.793.156.289	9.226.748.635
- Các khoản dự phòng	03	5.000.000.000	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.610.401.522)	(2.154.467.788)
- Chi phí lãi vay	06	10.626.030.525	12.332.460.174
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>33.756.559.832</b>	<b>37.708.369.062</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(34.427.963.728)	(7.900.198.599)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	27.959.229.475	(6.129.390.907)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	28.346.383.611	(42.114.394.509)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(911.285.645)	1.383.862.166
- Tiền lãi vay đã trả	13	(10.626.030.525)	(12.332.460.174)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.346.972.936)	(5.322.097.394)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	33.600.000	252.178.800
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(387.023.771)	(517.960.576)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>39.396.496.313</b>	<b>(34.972.092.131)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(3.135.731.000)	(2.716.942.169)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	5.094.900.000	1.704.947.506
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.000.000.000)	(3.700.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.741.861.658	2.542.633.824
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.701.030.658</b>	<b>(2.169.360.839)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	147.960.062.700	232.507.294.369
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(185.397.671.107)	(176.831.303.117)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.453.538.500)	(9.453.703.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(46.891.146.907)</b>	<b>46.222.288.252</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(4.793.619.936)</b>	<b>9.080.835.282</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>28.792.918.475</b>	<b>19.712.083.193</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>23.999.298.539</b>	<b>28.792.918.475</b>

Lập, ngày 14 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đoàn Văn Nghị

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thúy

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Năm 2014*

### **I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn:**

**Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3** được thành lập theo Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 2411/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2004 về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3, trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Bộ Giao thông Vận tải; theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300421520 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 18 tháng 9 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

**Vốn điều lệ của Công ty** là 61.169.920.000 đồng (Sáu mươi một tỷ một trăm sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

**Trụ sở của Công ty tại:** 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

#### **a. Thông tin các chi nhánh: 8 chi nhánh**

- 1. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 303**  
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 2. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 304**  
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 3. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 302**  
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 4. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp CK Và Xây Dựng**  
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 5. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp TV Thiết Kế Và Kiểm Định Công Trình**  
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 6. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 301**  
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 7. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 tại tỉnh Quảng Ngãi**  
Địa chỉ: Số 315 khối 1, Thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi
- 8. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 305**  
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

#### **b. Thông tin các Công ty con: 4 công ty**

##### **1. Công ty Cổ Phần Công Trình Thành Phát**

Địa chỉ: Số nhà 2A, đường QL 13, KP2, Phường Hiệp Bình Chánh, Q Thủ Đức Tp HCM

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55 %

##### **2. Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Trường Lộc**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

---

Địa chỉ: Số 25, đường 270A, Khu nhà ở Nam Hòa, Phường Phước Long A, Quận 9, Tp. HCM.

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 53,10 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 53,10 %

### **3. Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng**

Địa chỉ: Lô C7-1, Khu công nghiệp Hàm Kiệm 1, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100 %

### **4. Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Nam Tiến**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55,56 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55,56 %

**2. Lĩnh vực kinh doanh:** Xây dựng, lắp đặt.

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan .
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
- Sản xuất các cấu kiện kim loại.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Sửa chữa thiết bị khác.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.
- Vận tải hành khách đường bộ khác.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động.
- Xây dựng công trình công ích.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

## **II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

1. **Niên độ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## **III Chế độ kế toán áp dụng:**

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

---

### **IV Các chính sách kế toán áp dụng:**

#### **1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

**1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:** Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được thực hiện theo Thông tư số 179/2012TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài Chính.

#### **2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**

##### **2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

**2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

**2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Không phát sinh.

#### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

#### **4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

##### **4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### **4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

---

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

**5. Hợp đồng thuê tài chính:** Không phát sinh.

**6. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:** Không phát sinh

**7. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyên địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
- Chi phí các vật tư luân chuyển phục vụ thi công chuyên dụng ( Giàn dáo, trụ baley, xà mũ, xà đế ...)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

*Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.*

---

đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí phải trả cho nhà thầu phụ : khoản chi phí này được xác định căn cứ trên cơ sở khối lượng hoàn thành của từng nhà thầu được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán . Khi nhà thầu cung cấp đầy đủ các hồ sơ thanh toán và hóa đơn chứng từ mới ghi nhận và theo dõi trên tài khoản công nợ theo từng đối tượng.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

### **12. Nguồn vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### ***Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt thông qua Đại hội đồng cổ đông được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

#### **13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

#### **13.3 Doanh thu hợp đồng xây dựng**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

*Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.*

---

Doanh thu được xác định tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn bán hàng đã lập. Việc ghi nhận doanh thu luôn đ ư ợc xem xét đánh giá phù hợp với chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ .

### **13.4 Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Đơn vị tính: VND

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

**1.1-Tiền mặt (VND)**

- Xí nghiệp 301
- Xí nghiệp 303
- Xí nghiệp 304
- Xí nghiệp 305
- Xí nghiệp Cơ khí & Xây dựng
- Văn phòng Công ty

**1.2-Tiền gửi ngân hàng (VND)**

- Xí nghiệp 301
- Xí nghiệp 303
- Xí nghiệp 304
- Xí nghiệp 305
- Xí nghiệp Cơ khí & Xây dựng
- Văn phòng Công ty
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN. TP HCM

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
<b>3.595.921.227</b>	<b>6.082.889.458</b>
444.343.903	1.055.747.369
295.984.215	1.603.105.906
2.042.045	3.649.497
114.007.549	1.242.922
370.361.564	3.067.212.475
2.369.181.951	351.931.289
<b>20.403.377.312</b>	<b>22.710.029.017</b>
1.088.886	1.321.232
2.744.002	1.517.398
1.291.370	1.716.096
1.396.805	37.285.793
1.638.091	655.848.423
20.395.218.158	22.012.340.075
20.395.218.158	22.012.340.075
<b>23.999.298.539</b>	<b>28.792.918.475</b>

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**\* Đầu tư tài chính ngắn hạn**

- Ngân hàng TMCP ĐT & PT VN - CN.TP HCM (Tiền gửi TK 12 tháng)

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
1.300.000.000	1.300.000.000
<b>1.300.000.000</b>	<b>1.300.000.000</b>

**3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

**3.1-Phải thu khách hàng**

- Cầu Maspero - Sóc trăng
- Xí nghiệp vật tư thiết bị và xây dựng 767 ( BTNN)
- Công ty Công Trình GTCC - Đường Quang Trung (BTNN)
- Công ty BAUXIT Lâm Đồng - TKV (BTNN)
- Công ty TNHH Hải Trường
- KB NN Tuy Phong (KSTK đường Ngang)
- Hệ thống thoát nước + cống qua ĐS Biên Hòa
- Đường ngang tại Km 1695+085 (gói thầu số 4)
- Cầu số 2 đường tỉnh 725 Cam Ly
- Nhà tạm giữ công an Quận Ô Môn
- Cầu Tầm Xá
- Dự án Nam Sông Hậu (Cầu Mái Dầm + Cầu Ngọn Ngang)
- Gói thầu 17: Cầu Phó Sinh 2
- Gói số 10 : Cầu Đường Thét
- Gói số 6A: Cầu Kênh Thủy-DA QL91B - Tp Cần Thơ
- Cầu trên đường ĐT843-Cầu Đường Gạo+Phú Hiệp
- Cầu Vàm đĩnh - Tầm Bang
- Cầu Hồng Ngự
- Gói thầu 1: XD cầu, trụ chống va, đường vào cầu Cái đôi
- Gói thầu số 3/KV2 gồm 7 HM & 1 Cầu Hối Rui
- Gói thầu B2-9 : Cầu Bình Minh
- Cải tạo nâng cấp QL 28 Đoạn Gia Nghĩa

Số cuối năm	Số đầu năm
<b>131.103.889.368</b>	<b>95.645.498.448</b>
6.281.200	-
146.527.540	146.527.540
106.447.895	106.447.895
286.648.460	286.648.460
178.735.190	178.735.190
	2.200.200
105.563.311	105.563.311
110.058.000	110.058.000
	5.158.302
167.050.093	167.050.093
	3.281.280
420.458.546	420.458.546
1.121.738.000	
52.733.739	
236.673.333	236.673.333
94.698.000	94.698.000
17.212.000	17.212.000
	81.618.000
1.789.832.000	821.229.000
	763.565
	284.482.261
	6.633.106

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

- Gói thầu 11A - Xd cầu km 18+366 & 21	625.188.000	68.956.000
- KCH chống sụt trượt QL 28		424.277.000
- Cống thoát nước đường DT 829	997.000	997.000
- Mở rộng đường đê số 1 - Bình Chánh		8.446.000
- Cầu Thầy Thuốc	323.325.053	368.790.053
- CD mới các cầu đường liên ấp 1,2 Bình lợi	6.272.628.000	1.797.336.000
- GT số 3: khu tường niêm dài Lsi tết Mậu Thân	700.602.000	516.730.000
- Gói 5: thâm nhựa Cầu Bến long, Xáng ngã năm	72.000.000	75.203.000
- Gói 6B : thâm nhựa đoạn km 47-57 tuyến QLK-PH	305.531.000	400
- Gói 6B : HM s/c móng mặt đường Cầu Tư táo+ Bầy quang	9.858.000	
- Gói 20 : Đường công vụ tỉnh lộ 21	383.023.000	284.475.582
- Gói 1 : XD bến phà A&E - DA phà Đại Ngãi	26.000.000	931.739.000
- Gói 1 thầu B2-26 : Cầu Rọ tượng - Khánh hòa	5.887.566.462	
- Sửa chữa lớn cầu Km 464+052 (CSHT 1)		1.502.000
- SCL Giao ke và mái che 2 ga Sài Gòn	2.695.252.000	
- SCL bãi hàng giữa đường 83-84	1.479.242.000	4.900.295.000
- SCL cầu Rach lang km 1720+269		559.217.271
- Gói 1 : nâng cấp MR bến phà Cát Lá	3.064.584.000	
- Cầu vượt DS Mỹ Phước - Tân vạn - Bình Dương	5.312.500.000	
- CTGT & HTTN khu dân cư TĐC Long Hậu	2.015.813.029	
- Đại tu tuyến cọc 4 lò 13/52 Cửa ông		11.919.367.237
- GT22 : Thâm BTN QL 50 (km 47-71; 74-80)	4.238.048.000	
- Cải tạo nâng cao cầu Đinh Bộ lĩnh		2.857.066.000
- Công trình cầu Kênh 01+02		4.129.196
- Cầu thép vòng xoay Hàng xanh	233.388.000	233.388.000
- Lèm nền hạ tại khu Depot	3.388.603.646	12.925.414.327
- Hệ thống thoát nước tại khu Depot	3.385.352.328	
- Công việc XL tại khu Depot	921.454.151	
- Gói thầu XL CP1D- XD 7 cầu ĐS	9.067.447.908	6.577.684.521
- Gói số 2 : XD 10 cầu ĐS ( Cầu An Tân- Bầu sáu)		5.813.765.055
- Gói 4 : 03 cầu yếu tuyến ĐS HN - TP. HCM		48.799.000
- Km 1651-1653 ( Ray, lập lách GTGC)	477.495.000	477.495.000
- Thay ray Km1711-1721(Ray GTGC)	142.274.000	142.274.000
- Gói số 7 K1, K2 km 1071+196-1081		13.548.669.000
- Gói số 2 QL 28 : km 16-18	3.766.347.000	
- Gói thầu B2-5 cầu Đăk pry	596.257.171	
- Gói 5/KV3 : 6 cầu yếu tuyến ĐS : HN-TP. HCM		17.577.695.000
- Gói 8/KV3 : 11 cầu yếu tuyến ĐS : HN-TP. HCM		4.790.287.000
- XD tuyến tránh phía Hòa Nghĩa cầu Chợ Lách	2.332.887.808	1.791.312.543
- Gói thầu WB4 - 15	3.348.421.194	3.348.421.194
- Gói thầu WB4 - 12 (Công ty 6)	576.328.987	576.328.987
- XD mới cầu đường bộ Đồng Nai	39.963.776.024	
- XD 03 hầm chui và 8 ĐN GĐ 2 KH 1856	7.464.708.000	
- XD 03 ĐS khổ 1m & 2 hầm khám máy Trạm đầu máy ST	2.611.506.800	
- GT số 10 : XD 01 hầm chui và 33.31 km hàng rào ATĐS	550.695.000	
- Công Trình: Di dời ga Gò Vấp	14.024.131.500	
<b>3.2-Trả trước cho người bán</b>	<b>8.719.850.110</b>	<b>7.888.479.845</b>
- <b>Xí nghiệp 301</b>	<b>656.452.601</b>	<b>233.291.219</b>
- Công ty TNHH MTV SX TM DV XD Minh Thành	86.486.498	
- CN Công ty CP Thành Tân An	63.235.920	63.235.920
- Công ty CP bê tông 620 Long an	64.262.760	64.262.760
- Công ty TNHH XD Bảo Nam Long	77.592.000	
- Công ty TNHH kỹ Thuật Đồng Thuận Phát	276.655.423	
- Các nhà cung cấp khác	88.220.000	105.792.539
- <b>Xí nghiệp 303</b>	<b>1.435.061.799</b>	<b>882.912.563</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

- Công ty TNHH TM VLXD An Khang		182.762.500
- Công ty TNHH MTV ĐT & XD CT Nam Việt	400.000.000	
- Công ty TNHH Tuấn Cường	98.830.000	
- Công ty TNHH Tiến Cường	240.494.861	210.570.462
- Công ty TNHH MTV Công trình 793		93.996.000
- Công ty TNHH XD Công trình Hùng Vương	266.973.587	
- Công ty TNHH XD TM TH Thịnh Hưng	220.000.000	220.000.000
- Các nhà cung cấp khác	208.763.351	175.583.601
<b>- Xí nghiệp 304</b>	<b>528.086.280</b>	<b>176.530.050</b>
- Công ty TNHH MTV VTHH Đường sắt	85.151.700	85.151.700
- Công ty TNHH MTV QLĐS Phú Khánh		32.124.000
- Công ty CP XD & TM Đất Việt	362.264.033	
- Các nhà cung cấp khác	80.670.547	59.254.350
<b>- Xí nghiệp 305</b>	<b>457.287.767</b>	<b>547.960.000</b>
- Công ty TNHH MTV Công trình 793		105.290.000
- Công ty Lâm Giang	83.987.500	
- Công ty TNHH TV-XD Tiến Phát	265.400.000	265.400.000
- Công ty CP Đại Lâm	90.147.780	
- Các nhà cung cấp khác	17.752.487	177.270.000
<b>- Xí nghiệp Cơ khí &amp; Xây dựng</b>	<b>2.341.495.877</b>	<b>1.817.163.057</b>
- XN tư vấn CTGT 5.1	187.916.376	
- Công ty CP XD Linh Nam		625.703.091
- CH VLXD Sáng Thiện	56.800.000	
- Công ty TNHH KD Dv TM Thanh Bình	100.000.000	
- Công ty CP XD GT Phu Yen		1.000.000.000
- DN TM & XD Nhật Tảo	60.845.000	
- Công ty TNHH 71	1.408.852.500	
- Công ty TNHH I S Sài Gòn	129.397.576	
- Công ty TNHH Sông Hồng	193.582.455	
- Các nhà cung cấp khác	204.101.970	191.459.966
<b>- Văn phòng Công ty</b>	<b>3.301.465.786</b>	<b>4.230.622.956</b>
- Công ty TNHH Đức Thịnh	162.743.300	
- CN Công ty CP XNK VT TB ĐS Lào cai	56.500.000	
- Công ty TNHH vận tải HH ĐSắt	103.901.100	130.687.000
- Công ty CP XD hạ tầng KT Ngâm		1.835.830.250
- Điện lực Dĩ an	60.000.000	
- Công ty TNHH XD & thang máy Tâm Phát Lộc		176.176.000
- Công ty CP DV ĐT XD & TM Tân Thắng Lợi	1.600.345.405	1.745.112.466
- TT Nghiên cứu CN & TB Công nghiệp	79.505.700	
- Công ty QLĐS Sài Gòn	500.000.000	
- CN Công ty CP CT6	515.713.412	
- Các nhà cung cấp khác	222.756.869	342.817.240
<b>3.3-Các khoản phải thu khác</b>	<b>47.960.146.874</b>	<b>47.635.008.752</b>
- Xí nghiệp 301	2.557.161.203	3.138.486.103
- Xí nghiệp 303	33.382.229	
- Xí nghiệp 305		24.864.619
- Xí nghiệp Cơ khí & Xây dựng	20.427.382	42.427.382
<b>- Văn phòng Công ty</b>	<b>45.349.176.060</b>	<b>44.429.230.648</b>
- Công ty CP Công trình 2	226.430.227	226.430.227
- Công ty CP Công trình Đà Nẵng	293.138.044	593.138.044
- Công ty CP XD Công Trình Trường Lộc	31.150.983.912	15.504.326.485
- Công ty CP Công trình Thành Phát	11.471.662.316	24.334.412.414
- Công ty CP XD Công trình Nam Tiến	860.008.184	
- Đội thi công 301	127.704.169	127.704.169
- Phải thu dịch vụ thí nghiệm		197.217.642

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

- Tạm gác CP vận chuyển ray nhập kho		262.655.914
- Công ty TNHH MTV QLĐS Sài Gòn	-	313.432.435
- Phải thu khác	159.426.875	85.122.800
- Công ty TNHH MTV TTTH ĐS Đà Nẵng		1.544.922.100
- Công ty CP Vũ Đức		105.995.800
- Công ty TNHH TTTH ĐS Sài Gòn	928.244.000	928.244.000
- Phải thu khác	131.578.333	131.578.333
- Phải thu BHXH, BHYT, BHTN		74.050.285
<b>3.4-Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(1.101.031.359)</b>	
- Công ty TNHH Hải Trường	178.735.190	
- Công ty Công trình GTCC	106.447.895	
- Công ty Bauxit Lâm Đồng	286.648.460	
- XN vật tư TB & XD 767	146.527.540	
- Đường ngang km 1695+085	110.058.000	
- BQL dự án Biên Hòa ( HTDN + công qua ĐS BH)	105.563.311	
- CA Tp Cần Thơ _ nhà tạm giữ CA Ô Môn	167.050.963	
<b>Cộng</b>	<b>186.682.854.993</b>	<b>151.168.987.045</b>
<b>4. HÀNG TỒN KHO</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Giá gốc hàng tồn kho	<b>54.471.166.719</b>	<b>82.430.396.194</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	9.929.768.283	16.558.110.457
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	44.541.398.436	65.872.285.737
<b>Cộng</b>	<b>54.471.166.719</b>	<b>82.430.396.194</b>
<b>5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>5.1 Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>6.955.458.955</b>	<b>8.285.076.467</b>
<b>5.2 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		<b>15.516.430</b>
<b>5.3 Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>16.220.102.549</b>	<b>15.976.389.257</b>
<b>* Tạm ứng</b>	<b>15.676.045.114</b>	<b>15.895.764.257</b>
- <b>Xí nghiệp 301</b>	<b>517.489.627</b>	<b>3.112.079.505</b>
- Lê Văn Khôi		314.167.521
- Lê Quang Chung	251.151.270	251.151.270
- Trịnh Thị Hằng	55.095.000	1.121.017.655
- Hoàng Nam		80.969.106
- Đặng Nguyễn Quốc Việt	48.548.280	
- Nguyễn Đình Miên	68.768.902	68.768.902
- Cao Võ Hào	36.956.024	
- Võ Văn Sâm	16.500.000	4.637.677
- Đặng Quang Thịnh		1.224.153.370
- Các đối tượng khác	40.470.151	47.214.004
- <b>Xí nghiệp 303</b>	<b>1.738.343.790</b>	<b>1.653.594.290</b>
- Phan Công Hoàn	36.764.911	36.764.911
- Vũ Công Hòa	1.329.583.304	1.379.583.304
- Nguyễn Công Quỳnh		177.316.459
- Bùi Minh Quang	333.316.459	
- Các đối tượng khác	38.679.116	59.929.616
- <b>Xí nghiệp 304</b>	<b>2.606.902.009</b>	<b>2.550.704.310</b>
- Nguyễn Quang Sơn	2.551.827.635	2.327.689.564
- Đặng Xuân Trường		32.111.104
- Ngô Khắc Lợi	42.953.656	107.805.456
- Lê Văn Vương		2.972.381
- Ngô Văn Minh	12.120.718	41.872.418
- Nguyễn Văn Hưng		37.310.442
- Các đối tượng khác		942.945
- <b>Xí nghiệp 305</b>	<b>3.204.848.554</b>	<b>2.558.228.931</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

- Tạ Việt Anh	40.509.514	21.511.203
- Phạm Mạnh Hùng	236.800.000	194.800.000
- Đặng Xuân Trường	1.883.916.548	1.720.949.548
- Vũ Văn Chung	327.645.712	290.645.712
- Lê Văn Quân	53.331.000	53.331.000
- Phạm Trọng Quỳnh	82.767.000	117.200.000
- Phan công Thông	140.000.000	
- Nguyễn Từ Du	76.567.000	
- Nguyễn Thành luân	354.815.063	
- Các đối tượng khác	8.496.717	159.791.468
<b>- <i>Xí nghiệp Cơ khí &amp; Xây dựng</i></b>	<b>6.647.311.298</b>	<b>4.838.394.207</b>
- Trần Quốc Đoàn	238.817.082	355.619.048
- Nguyễn Văn Phóng	84.262.030	85.336.030
- Nguyễn Đình Khương	142.300.000	142.300.000
- Nguyễn Tiến Phong	32.197.100	43.223.500
- Trần Văn Quỳnh	37.015.000	37.015.000
- Trần Thừa Phúc	1.117.919.287	269.028.171
- Hoàng Gia Anh	83.232.725	66.729.152
- Nguyễn Đình Tiệu	352.955.000	332.955.000
- Phạm Văn Đắc	1.176.285.186	558.652.186
- Trần Quốc Chí	262.213.000	335.213.000
- Đặng Việt Hùng	4.601.807	30.613.267
- Trần Văn Minh	250.100.729	300.321.729
- Bùi Văn Điền	57.173.976	
- Lê Văn Nam	80.717.800	35.217.800
- Dương Quốc Phong	483.889.673	440.328.673
- Nguyễn Thanh Vân	512.847.736	930.668.010
- Trần Đình Hải	70.544.043	168.288.423
- Trần Thừa Nhật	36.382.458	9.463.254
- Lê Hữu Giáp	469.215.738	261.382.173
- Lê Quang Chung	325.671.892	253.082.570
- Nguyễn Duy Bằng	100.819.908	
- Tô Văn hăng	57.610.000	
- Cao Quý Ngọc	65.895.000	
- Phan Minh Dũng	42.999.908	
- Nguyễn Thị Thu hằng	493.655.100	
- Các đối tượng khác	67.989.120	182.957.221
<b>- Văn phòng Công ty</b>	<b>961.149.836</b>	<b>1.182.763.014</b>
- Vũ Văn Cường	54.708.310	54.708.310
- Tạ Quốc mạnh	31.190.480	
- Phạm Văn Đắc		210.000.000
- Trần Minh Hùng		6.784.292
- Trương Trọng Luật	23.461.370	67.362.155
- Đỗ Văn Nghĩa	75.567.560	75.567.560
- Lê Văn Nhưong		35.510.909
- Hoàng Đăng Pha	104.068.562	142.831.723
- Trần Thị Sáng	34.501.435	19.673.437
- Vũ Công Hòa		139.946.746
- Phạm Thị Thắng	3.447.017	58.886.135
- Trần Thanh Tiến		44.984.300
- Tạ Việt Anh	479.732.683	
- Các đối tượng khác	154.472.419	326.507.447
<b>* Ký quỹ tại Công ty Quản lý Đường sắt Sài Gòn</b>	<b>544.057.435</b>	<b>80.625.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>23.175.561.504</b>	<b>24.276.982.154</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

**6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

KHOẢN MỤC	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>1 Số dư đầu năm</b>	<b>8.335.535.987</b>	<b>45.749.748.652</b>	<b>5.873.215.903</b>	<b>227.478.417</b>	<b>60.185.978.959</b>
<b>2 Số tăng trong năm</b>		<b>2.354.636.363</b>			<b>2.354.636.363</b>
Bao gồm:					
- Mua trong năm		2.354.636.363			2.354.636.363
- Đầu tư XD CB hoàn thành					
- Tăng khác					
<b>3 Số giảm trong năm</b>		<b>5.887.093.608</b>			<b>5.887.093.608</b>
Bao gồm:					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý		5.829.643.608			5.829.643.608
- Giảm khác		57.450.000			57.450.000
<b>4 Số dư cuối năm</b>	<b>8.335.535.987</b>	<b>42.217.291.407</b>	<b>5.873.215.903</b>	<b>227.478.417</b>	<b>56.653.521.714</b>
<b>II. Giá trị hao mòn LK</b>					
<b>1 Số dư đầu năm</b>	<b>1.659.787.394</b>	<b>25.757.511.975</b>	<b>4.392.740.774</b>	<b>180.411.657</b>	<b>31.990.451.800</b>
<b>2 Số tăng trong năm</b>		<b>7.194.007.533</b>	<b>645.004.720</b>	<b>21.171.867</b>	<b>8.793.156.289</b>
- Khấu hao trong năm	932.972.169	7.194.007.533	645.004.720	21.171.867	8.793.156.289
- Tăng khác					
<b>3 Số giảm trong năm</b>		<b>4.194.104.181</b>			<b>4.194.104.181</b>
Bao gồm:					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý		4.174.954.221			4.174.954.221
- Giảm khác		19.149.960			19.149.960
<b>4 Số dư cuối năm</b>	<b>2.592.759.563</b>	<b>28.757.415.327</b>	<b>5.037.745.494</b>	<b>201.583.524</b>	<b>36.589.503.908</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1 Tại ngày đầu năm	6.675.748.593	19.992.236.677	1.480.475.129	47.066.760	28.195.527.159
2 Tại ngày cuối năm	5.742.776.424	13.459.876.080	835.470.409	25.894.893	20.064.017.806

**7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

- Chi phí XD CB dở dang

**Cộng**

**Số cuối năm**

**Số đầu năm**

563.636.363

**563.636.363**

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (CP)	Giá trị	Số lượng (CP)	Giá trị
Công ty CPXD CT Trường Lộc	531.000	4.500.000.000	531.000	4.500.000.000
Công ty CP CT Thành Phát	647.130	5.830.000.000	647.130	5.830.000.000
Công ty TNHH MTV CK & Xây dựng (*)		15.000.000.000		14.000.000.000
Công ty Cổ Phần Nam Tiến	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.428.130</b>	<b>27.830.000.000</b>	<b>1.428.130</b>	<b>26.830.000.000</b>

Ghi chú (\*): Trong năm công ty góp thêm vốn

**9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

**9.1-Chi phí trả trước dài hạn**

- Xí nghiệp 301

- Xí nghiệp 303

- Xí nghiệp 304

**Số cuối năm**

**Số đầu năm**

**4.642.954.670**

302.873.500

496.201.648

638.752.080

**4.010.758.856**

551.925.282

519.637.099

1.335.893.073



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

- Xí nghiệp 305	697.430.380	361.793.977
- Xí nghiệp Cơ khí & Xây dựng	2.417.848.619	1.076.646.437
- Văn phòng Công ty	89.848.443	164.862.988
<b>9.2-Tài sản dài hạn khác</b>	<b>41.576.539</b>	<b>6.200.000</b>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	41.576.539	6.200.000
<b>Cộng</b>	<b>4.684.531.209</b>	<b>4.016.958.856</b>

**10. NỢ NGẮN HẠN****10.1-Vay và nợ ngắn hạn**

- Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển - CN TP. HCM)
- Vay cá nhân

**10.2-Phải trả người bán****- Xí nghiệp 301**

- Công ty TNHH SX Tân Gia Định
- Công ty CP Đầu tư Dịch Vụ Phan Vũ
- Công ty TNHH Bảo Toàn
- Công ty TNHH TB & PT Hiếu Hưng
- Công ty TNHH XD-TM & DV Đất Việt
- Công ty TNHH XD Phùng Thịnh
- Các nhà cung cấp khác

**- Xí nghiệp 302**

- Công ty TNHH XD Giao thông Việt Phương

**- Xí nghiệp 303**

- Công ty TNHH XD & TM Tuấn Tú
- Công ty TNHH MTV Lâm Dương Quảng trị
- Công ty TNHH MTV ĐT & XD CT Nam Việt
- Công ty TNHH TM VLXD An Khang
- Công ty TNHH MTV DV TM Cương Tuyên
- Công ty TNHH MTV QLĐS Phú Khánh
- Công ty CP ĐT thiết kế XD 98
- Công ty TNHH TM Tân Thạch
- HTX Xuân Long
- VLXD Dung
- Công ty TNHH MTV TM DV XD Cơ giới Lê Dũng
- Các nhà cung cấp khác

**- Xí nghiệp 304****- Xí nghiệp 305**

- Công ty TNHH TM & DV Huy Hoàng
- Công ty TNHH XD TM & DV XNK Hải Sơn
- Công ty QLĐS Phú Khánh
- Công ty CP Đá Mỹ Trang
- Công ty TNHH MTV Vận tải hàng hóa ĐS
- Các nhà cung cấp khác
- Xí nghiệp Cơ khí & Xây dựng**
- Công ty TNHH Sơn Thế hệ mới
- DNTN TM VT Đức Hạnh
- Công ty TNHH Thịnh Đức tiến
- CN Công ty TNHH MTV Trọng tiến
- Công ty TNHH SX & TM Tân Gia Định
- Công ty TNHH MTV TMDV & SX Hạo Đức
- DNTN Tân Phú Định
- CN Công ty CP SXTM Hữu nghị - NM Bình Dương
- Công ty TNHH MTV Anh Vạn Phát
- Công ty CP XD Lĩnh Nam
- Công ty TNHH MTV Đại Tân Thắng
- Công ty TNHH TM DV Thuận Minh

	Số cuối năm	Số đầu năm
	<b>102.556.098.161</b>	<b>136.240.957.131</b>
	100.556.098.161	135.040.957.131
	2.000.000.000	1.200.000.000
	<b>22.915.332.124</b>	<b>26.124.190.814</b>
	<b>2.628.403.159</b>	<b>8.747.434.614</b>
	47.002.700	
	64.373.400	164.373.400
	141.315.350	141.315.350
	187.117.350	187.117.350
		5.740.529.565
	2.068.469.750	2.303.345.000
	120.124.609	210.753.949
	<b>293.265.680</b>	
	293.265.680	
	<b>1.547.810.372</b>	<b>761.768.716</b>
	206.600.001	206.600.001
	84.000.400	84.000.400
		71.519.986
	470.789.870	
	82.500.000	
	64.108.000	
	179.385.712	
	80.040.929	
	81.795.000	
	54.909.600	
	77.165.000	
	166.515.860	399.648.329
	<b>2.976.800</b>	<b>2.955.500</b>
	<b>327.367.993</b>	<b>815.348.693</b>
		491.905.700
	83.901.973	83.901.973
	117.876.000	117.876.000
	47.760.000	
	73.739.800	
	4.090.220	121.665.020
	<b>6.155.413.128</b>	<b>3.995.522.366</b>
	302.082.000	543.174.500
		150.000.000
		524.391.000
		315.360.380
	60.930.900	
	589.319.231	800.653.847
	75.178.450	75.178.450
	56.699.170	
	246.269.470	124.906.800
	508.651.961	
	275.969.165	475.969.165
	34.500.000	174.500.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

- Công ty TNHH SX TM XNK Đức Thịnh	1.193.709.276	
- DNTN DV - VTHH Nhật Hà		121.000.000
- Công ty Xăng Dầu Phú Khánh - CN Phú Yên		122.143.960
- Công ty TNHH TM XD Minh Cường		175.000.000
- Công ty Thiết bị phụ tùng Hiếu Hưng	539.177.200	104.281.000
- Công ty TNHH XD TM DV Khang Thái	148.062.750	
- Công ty CP Đầu tư TM Kim Bảo	474.708.155	
- CN Xăng dầu Ninh Thuận	168.131.130	
- Công ty TNHH Uni Eastem Việt Nam	391.414.999	
- Công ty TNHH Tân Hưng - CN Miền Nam	978.426.000	
- Các nhà cung cấp khác	112.183.271	288.963.264
<b>- Văn phòng Công ty</b>	<b>11.960.094.992</b>	<b>11.801.160.925</b>
- Lương Văn Bàn		241.270.031
- Công ty CP VLXD Thế giới Nhà	815.168.022	1.415.168.022
- DNTN Nhật Minh		367.621.464
- Công ty CP Bê tông 6	2.905.131.110	3.342.031.110
- Công ty Chế biến lâm sản & PT Nông Nghiệp	1.563.446.819	388.048.101
- Công ty TNHH TB & PT Hiếu Hưng	406.222.000	786.895.800
- Công ty TNHH KD XNK Minh Đức	138.565.320	
- Công ty CP XD CT hàng không 647	62.790.820	
- Công ty TNHH Kỹ thuật Nền móng & XD Hồng Đức	251.756.008	207.100.133
- Công ty TNHH Stolt Bitumen VN		347.516.200
- Công ty TNHH MTV Vật tư ĐS Đà Nẵng	445.936.345	445.936.345
- Công ty CP ĐT Công trình Hà Nội	590.823.750	2.036.168.596
- Công ty CP Công trình 6		1.760.593.248
- Công ty CP Cơ khí ĐS Đà Nẵng	82.896.238	
- Công ty TNHH XD - TM Cao Thùy Linh	414.088.604	
- Công ty CP XD Hạ tầng kỹ thuật ngầm	3.853.278.914	
- Công ty TNHH XD TM DV Linh Tú	87.725.000	
- Công ty TNHH Thanh Bình	67.262.601	
- Nhà máy quy chế II	111.447.240	
- Các nhà cung cấp khác	163.556.201	462.811.875
<b>10.3-Người mua trả tiền trước</b>	<b>27.962.095.724</b>	<b>18.637.181.215</b>
- Cầu Sa đéc	16.786.283.000	
- GT B2-26 : Cầu Rọ Tượng - Quán cau		2.183.073.991
- Di dời ga Gò Vấp		8.719.440.500
- Gói thầu số 10: cầu đường Thét		2.810.247.000
- Gói thầu số 11: BH km 81+55087+740		458.734.000
- Gói 6B đoạn km 49+500-55+178		532.307.000
- Cầu Hồng Ngự	6.759.664.000	
- S/c hư hỏng kết thúc BHCT gói 6B theo QĐ 1579	990.079.000	
- Gói 11: Biểu Nghi - Hạ Long	3.423.600.000	3.423.600.000
- Gói số 1 cầu Rạch tre, cà ngỗ	2.469.724	2.469.724
- XD mới cầu đường bộ Đồng nai (KC)		507.309.000
<b>10.4-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>2.053.374.587</b>	<b>4.959.730.712</b>
- Thuế GTGT đầu ra		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.948.985.653	4.426.871.012
- Thuế thu nhập cá nhân	104.388.934	
- Thuế nhà đất & tiền thuê đất		532.859.700
<i>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</i>		
<b>10.5-Phải trả người lao động</b>	<b>9.852.399.999</b>	<b>9.682.199.889</b>
<b>10.6-Chi phí phải trả</b>	<b>24.133.802.913</b>	<b>4.130.504.784</b>
<b>10.7-Phải trả nội bộ</b>	<b>9.118.846.357</b>	<b>9.180.361.857</b>
- Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	9.118.846.357	9.180.361.857
<b>10.8-Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	<b>31.053.367.751</b>	<b>33.402.162.998</b>
- Kinh phí Công đoàn	56.963.390	56.799.231

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

- Bảo hiểm Xã hội	179.719.491	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.816.684.870	33.345.363.767
<b>+ Xí nghiệp 302</b>	<b>648.859</b>	
<b>+ Xí nghiệp 303</b>	<b>176.731.463</b>	<b>176.731.463</b>
<b>+ Xí nghiệp 305</b>	<b>217.269.119</b>	
<b>+ Văn phòng Công ty</b>	<b>30.422.035.429</b>	<b>33.168.632.304</b>
- Nguyễn Quang Vinh	138.010.545	138.010.545
- Tạ Việt Anh		603.432.437
- Công ty TNHH XD Kiên Long		170.768.780
- Công ty TNHH MTV QLĐS Quảng Bình	2.475.179.000	2.340.469.000
- Công ty TNHH TTTH ĐS Đà Nẵng	53.379.900	
- Công ty Tư vấn ĐT & XD Đường Sắt	65.528.000	183.838.686
- Công ty CP Viễn thông THĐS	227.049.650	227.049.650
- Công ty CP Vũ Đức	1.240.473.709	
- Công ty TNHH MTV Cơ khí & XD	800.000.000	800.000.000
- Phải trả cổ tức	348.224.550	267.382.450
- Công ty CP Vật tư ĐS Sài Gòn	500.000.000	
- Tạm gác ray GTGT	287.001.000	287.001.000
- Công ty CP Công trình ĐS	8.494.542.543	12.494.542.543
- Công ty QLĐS Nghĩa Bình	5.976.405.000	2.570.642.851
- Công ty QLĐS Thuận Hải	95.336.194	95.336.194
- Công ty CP XD công trình nam Tiến		5.182.170.324
- DNTN cơ khí Hoài Đức	52.150.500	
- Phải trả các đối tượng khác	225.811.786	478.020.348
- Xí Nghiệp 301	3.443.967.100	1.992.801.240
- Xí Nghiệp 302	506.162.882	
- Xí Nghiệp 303	1.637.444.249	680.340.731
- Xí Nghiệp 304	1.358.687.803	1.652.534.709
- Đội 306	300.009.907	
- Xí Nghiệp 305 M	664.086.906	1.771.821.655
- Xí Nghiệp CK & XD	1.532.584.205	1.232.469.161
<b>10.9-Dự phòng phải trả (Lương dự phòng)</b>	<b>5.000.000.000</b>	
<b>10.10-Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành</b>	<b>1.745.336.683</b>	<b>1.292.368.883</b>
<b>Cộng</b>	<b>236.390.654.299</b>	<b>243.649.658.283</b>
<b>11. NỢ DÀI HẠN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>11.1-Phải trả dài hạn khác</b>	<b>45.603.898</b>	<b>45.603.898</b>
- Tiền nhận đặt cọc cho thuê mặt bằng	45.603.898	45.603.898
<b>11.2-Vay và nợ dài hạn</b>	<b>715.336.963</b>	<b>4.468.086.400</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN TP. Hồ Chí Minh	715.336.963	3.019.472.400
- Vay các cá nhân		1.448.614.000
<b>Cộng</b>	<b>760.940.861</b>	<b>4.513.690.298</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>55.609.980.000</b>	<b>1.694.645.000</b>	<b>(930.000)</b>	<b>1.622.907.459</b>		<b>23.634.563.652</b>	<b>14.030.687.279</b>	<b>96.591.853.390</b>
Tăng vốn trong năm trước								
Lãi trong năm trước						2.445.952.262	13.596.095.775	16.042.048.037
Tăng khác								
Giảm vốn trong năm trước								
Lỗ trong năm trước								
Giảm khác							13.221.843.762	13.221.843.762
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>55.609.980.000</b>	<b>1.694.645.000</b>	<b>(930.000)</b>	<b>1.622.907.459</b>		<b>26.080.515.914</b>	<b>14.404.939.292</b>	<b>99.412.057.665</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>55.609.980.000</b>	<b>1.694.645.000</b>	<b>(930.000)</b>	<b>1.622.907.459</b>		<b>26.080.515.914</b>	<b>14.404.939.292</b>	<b>99.412.057.665</b>
Tăng vốn trong năm nay	5.559.940.000							5.559.940.000
Lãi năm nay						2.039.000.000	10.381.652.865	12.420.652.865
Tăng khác								
Giảm vốn trong năm nay								
Lỗ trong năm nay								
Giảm khác (*)							12.336.814.920	12.336.814.920
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>61.169.920.000</b>	<b>1.694.645.000</b>	<b>(930.000)</b>	<b>1.622.907.459</b>		<b>28.119.515.914</b>	<b>12.449.777.237</b>	<b>105.055.835.610</b>

**Ghi chú (\*)**: Các khoản giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2014 ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Xây Dựng Công trình 3 bao gồm:

	<u>Số tiền</u>
- Trích cổ tức phải trả năm 2013	9.453.538.500
- Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2013	2.039.000.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2013	1.496.000.000
- Điều chỉnh thuế 2011	(651.723.580)
<b>Cộng</b>	<b>12.336.814.920</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Vốn góp của Nhà nước	43,35%	26.519.180.000	24.108.350.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	56,65%	34.650.740.000	31.501.630.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>61.169.920.000</b>	<b>55.609.980.000</b>

  

<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
<b>+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	55.609.980.000	55.609.980.000
- Vốn góp tăng trong năm	5.559.940.000	
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	61.169.920.000	55.609.980.000
<b>+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	9.453.538.500	9.453.538.500

  

<b>d) Cổ tức</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>+ Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán</b>		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
<b>+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận</b>		

  

<b>e) Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>+ Số lượng cp đăng ký phát hành</b>	<b>6.116.992</b>	<b>5.561.000</b>
<b>+ Số lượng cp đã bán ra công chúng</b>	<b>6.116.992</b>	<b>5.560.998</b>
- Cổ phiếu phổ thông	6.116.992	5.560.998
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>+ Số lượng cp được mua lại</b>	<b>93</b>	<b>93</b>
- Cổ phiếu phổ thông	93	93
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>+ Số lượng cp đang lưu hành</b>	<b>6.116.899</b>	<b>5.560.905</b>
- Cổ phiếu phổ thông	6.116.899	5.560.905
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP</b>		

  

<b>f) Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>28.119.515.914</b>	<b>26.080.515.914</b>
- Quỹ Đầu tư Phát triển	22.558.517.914	20.519.517.914
- Quỹ Dự phòng Tài chính	5.560.998.000	5.560.998.000

  

<b>13. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu bán hàng	4.635.820.977	22.889.214.294
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	400.235.461.961	444.462.294.283
<b>Cộng</b>	<b>404.871.282.938</b>	<b>467.351.508.577</b>

  

<b>14. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chiết khấu thương mại		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất khẩu		
<b>Cộng</b>		

  

<b>15. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu thuận về bán hàng	4.635.820.977	22.889.214.294
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	400.235.461.961	444.462.294.283
<b>Cộng</b>	<b>404.871.282.938</b>	<b>467.351.508.577</b>

  

<b>16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.655.028.017	22.202.087.902
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	366.406.705.324	403.641.138.800
- Giá vốn của thành phẩm đã bán		
<b>Cộng</b>	<b>371.061.733.341</b>	<b>425.843.226.702</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

**17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Doanh thu hoạt động tài chính khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
1.465.426.658	1.241.293.824
1.660.995.000	1.501.695.000
<b>3.126.421.658</b>	<b>2.742.988.824</b>

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền vay
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
10.626.030.525	12.332.460.174
<b>10.626.030.525</b>	<b>12.332.460.174</b>

**19. THU NHẬP KHÁC**

- Thu nhập từ cho thuê mặt bằng
- Thu nhập từ chênh lệch đánh giá lại tài sản khi góp vốn
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Thu nhập khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
310.616.728	566.462.141
5.265.090.909	1.549.952.278
1.067.116.883	2.000.000.000
<b>6.642.824.520</b>	<b>4.116.414.419</b>

**20. CHI PHÍ KHÁC**

- Chi phí cho thuê mặt bằng
- Giá trị còn lại của tài sản nhượng bán, thanh lý
- Chi phí khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
117.010.973	211.042.532
1.654.689.387	1.586.134.060
792.054.398	469.694.906
<b>2.563.754.758</b>	<b>2.266.871.498</b>

**21. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước (năm 2009 - 2010) vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
2.566.121.675	4.338.477.469
	510.590.909
<b>2.566.121.675</b>	<b>4.849.068.378</b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí máy
- Trong đó: Chi phí khấu hao tài sản cố định*
- Chi phí khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
195.398.528.184	225.011.771.100
93.418.588.961	104.188.137.223
48.072.875.980	59.550.999.276
8.793.156.289	8.793.156.289
34.171.740.216	37.092.319.103
<b>371.061.733.341</b>	<b>425.843.226.702</b>

**23. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ****a. Tổng lợi nhuận trước thuế**

- + Các khoản điều chỉnh tăng
- + Các khoản điều chỉnh giảm

**b. Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra****c. Tổng thu nhập chịu thuế****d. Thuế TNDN phải nộp**

- + Thuế TNDN phải nộp thêm 2009
- + Thuế TNDN phải nộp thêm 2011
- + Thuế TNDN phải nộp 2014

**e. Lợi nhuận sau thuế TNDN**

Năm nay	Năm trước
<b>12.947.774.540</b>	<b>18.445.164.153</b>
220.565.592	410.440.722
1.660.995.000	1.501.695.000
<b>411.514.107.458</b>	<b>471.467.922.996</b>
<b>11.507.345.132</b>	<b>17.353.909.875</b>
<b>2.566.121.675</b>	<b>4.849.068.378</b>
	49.245.688
34.505.746	461.345.221
2.531.615.929	4.338.477.469
<b>10.381.652.865</b>	<b>13.596.095.775</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	10.381.652.865	13.596.095.775
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.381.652.865	13.596.095.775
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.676.767	5.560.998
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.829</b>	<b>2.445</b>

**25. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**

	Năm nay	Năm trước
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	390.000.000	597.300.000
<b>Cộng</b>	<b>390.000.000</b>	<b>597.300.000</b>
<i>Trong đó: Chi phí cho TVHĐQT không tham gia XSKD</i>	<i>27.600.000</i>	<i>87.000.000</i>

**26. THÔNG TIN BỔ SUNG****Giao dịch với các bên liên quan***Trong năm 2014, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau*

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP XD Ctrình Trường Lộc	Công ty con	<b>Nhận nợ công ty con</b>	
		Mua hàng hóa và dịch vụ từ công ty con	454.140.000
		Giá trị công trình công ty con đã thực hiện	93.353.570.673
		<b>Ghi nợ công ty con</b>	
		Nhượng bán vật tư và dịch vụ TN	675.587.564
		Giá trị công trình Công ty 3 thực hiện	34.829.434.527
Công ty CP Công trình Thành Phát	Công ty con	Hoạt động khác	5.591.600.000
		<b>Nhận nợ công ty con</b>	
		Mua hàng hóa và dịch vụ từ công ty con	1.552.141.857
		Giá trị công trình công ty con đã thực hiện	48.527.564.366
		<b>Ghi nợ công ty con</b>	
		Nhượng bán vật tư và dịch vụ TN	1.633.281.610
Công ty CP XD Công trình Nam Tiến	Công ty con	Giá trị công trình Công ty con đã thực hiện	22.503.072.207
		Hoạt động khác (cho thuê MB)	52.800.000
		Dịch vụ thí nghiệm	62.213.715
		Lãi vay	132.110.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng	Công ty con	Góp vốn	1.000.000.000

*Tại ngày kết thúc năm tài chính 2014, công nợ phải thu, phải trả với các bên có liên quan như sau:*

	Số tiền (VND)
<b>Công ty CP Xây dựng Công trình Trường Lộc</b>	
Phải thu khác (tiền cho thuê tài sản & thí nghiệm)	547.215.474
Phải thu khác (tiền bán hàng hóa, vật tư, tài sản)	37.517.253.545
Phải thu khác (khối lượng công trình)	(6.913.485.107)
Phải thu khác (nợ lãi vay)	
<b>Cộng</b>	<b>31.150.983.912</b>
<b>Công ty CP Công trình Thành Phát</b>	
Phải thu khác (tiền cho thuê mặt bằng, thuê tài sản & thí nghiệm)	3.896.755.400
Phải thu khác (tiền bán hàng hóa, vật tư, tài sản)	27.149.935.087
Phải thu khác (khối lượng công trình)	(19.845.483.171)
Phải thu khác (nợ lãi vay)	270.455.000
<b>Cộng</b>	<b>11.471.662.316</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

<b>Công ty CP Xây dựng Công trình Nam Tiến</b>	<b>Số tiền (VND)</b>
Phải thu khác (tiền cho thuê mặt bằng & thí nghiệm)	115.013.715
Phải thu khác (tiền lãi vay)	132.110.000
Phải thu khác (khối lượng công trình)	612.884.469
Phải thu khác	
<b>Cộng</b>	<b>860.008.184</b>
<b>Công ty TNHH MTV cơ khí và xây dựng</b>	<b>Số tiền (VND)</b>
Phải trả khác (tạm ứng theo HĐ)	800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>800.000.000</b>

**27. BÁO CÁO BỘ PHẬN:**

- Về lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng

- Về khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất của Công ty nằm trong phạm vi cả nước

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản

phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận.

Nhằm phục vụ cho mục đích quản lý, công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc nên việc báo cáo bộ phận được phân chia theo ngành hàng kinh doanh như sau :

Xây dựng và sản xuất và dịch vụ khác

Chỉ tiêu	Xây dựng	Sản xuất, dịch vụ khác	Tổng
<b>A- Kết quả</b>			
<b>1- Doanh thu</b>	<b>400.235.461.961</b>	<b>4.635.820.977</b>	<b>404.871.282.938</b>
<b>2- Chi phí</b>	<b>366.406.705.324</b>	<b>4.655.028.017</b>	<b>371.061.733.341</b>
- Chi phí phân bổ trực tiếp (gồm cả giá vốn)	366.406.705.324	4.655.028.017	371.061.733.341
- Chi phí bán hàng			
<b>3- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>33.828.756.637</b>	<b>-19.207.040</b>	<b>33.809.549.597</b>
<b>B- Tổng giá trị của tài sản bộ phận</b>	<b>341.325.433.123</b>	<b>881.997.647</b>	<b>342.207.430.770</b>
<b>C- Nợ phải trả của bộ phận</b>	<b>236.436.258.197</b>	<b>715.336.963</b>	<b>237.151.595.160</b>
<b>D- Tổng chi phí phát sinh trong niên độ để mua TSCĐ</b>	<b>2.354.636.363</b>		<b>2.354.636.363</b>
<b>E- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước</b>	<b>9.680.757.291</b>	<b>2.009.862.858</b>	<b>11.690.620.149</b>
- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ	6.812.167.047	1.980.989.242	8.793.156.289
- Tổng chi phí phân bổ chi phí trả trước	2.868.590.244	28.873.616	2.897.463.860

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****\* Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của Nhà nước và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số tại các Công ty.

**\* Các chính sách kế toán chủ yếu**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và Thuyết minh các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

**\* Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.999.298.539	28.792.918.475	23.999.298.539	28.792.918.475
Phải thu khách hàng và phải thu khác	179.064.036.242	143.296.023.630	179.064.036.242	143.296.023.630
Đầu tư ngắn hạn	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000
Đầu tư dài hạn	27.830.000.000	26.830.000.000	27.830.000.000	26.830.000.000
Tài sản tài chính khác			-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>232.193.334.781</b>	<b>200.218.942.105</b>	<b>232.193.334.781</b>	<b>200.218.942.105</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản vay và nợ	103.271.435.124	140.709.043.531	103.271.435.124	140.709.043.531
Phải trả người bán và phải trả khác	54.014.303.773	59.571.957.710	54.014.303.773	59.571.957.710
Phải trả người lao động	9.852.399.999	9.682.199.889	9.852.399.999	9.682.199.889
Chi phí phải trả	24.133.802.913	4.130.504.784	24.133.802.913	4.130.504.784
<b>Tổng cộng</b>	<b>191.271.941.809</b>	<b>214.093.705.914</b>	<b>191.271.941.809</b>	<b>214.093.705.914</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.

Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc 31/12/2014 do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 31/12/2014

**\* Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

**Phải thu khách hàng:**

Các khoản phải thu khách hàng đều được khách hàng trả trước nên đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này các khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng:**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**\* Quản lý rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty hiện tại không có do Công ty có nguồn tiền có thể đáp ứng được cho các khoản thanh toán.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Tại 31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.999.298.539		23.999.298.539
Phải thu khách hàng và phải thu khác	179.064.036.242		179.064.036.242
Đầu tư ngắn hạn		1.300.000.000	1.300.000.000
Đầu tư dài hạn		27.830.000.000	27.830.000.000
Tài sản tài chính khác			-
<b>Tổng cộng</b>	<b>203.063.334.781</b>	<b>29.130.000.000</b>	<b>232.193.334.781</b>
<b>Tại 01/01/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.792.918.475		28.792.918.475
Phải thu khách hàng và phải thu khác	143.296.023.630		143.296.023.630
Đầu tư ngắn hạn		1.300.000.000	1.300.000.000
Đầu tư dài hạn		26.830.000.000	26.830.000.000
Tài sản tài chính khác			-
<b>Tổng cộng</b>	<b>172.088.942.105</b>	<b>28.130.000.000</b>	<b>200.218.942.105</b>

**\* Quản lý rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và các rủi ro về giá khác. Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần.

**Rủi ro ngoại tệ:**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái.

Phần lớn phát sinh ngoại tệ chủ yếu là do các khoản công nợ phải thu và các khoản công nợ này của Công ty được đã được khách hàng thanh toán trước. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tỉ giá là thấp

**Rủi ro lãi suất:**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu là liên quan đến các khoản vay. Công ty phát sinh khoản vay nên rủi ro lãi suất là không cao.

**Rủi ro về giá khác:**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỉ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính công ty.

**29-SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2014 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Lập ngày 14 tháng 03 năm 2015

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Tổng giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đoàn Văn Nghị****Nguyễn Kim Chinh****Phạm Văn Thúc**